

12-GIẢI THÍCH Ý VÔ NGẠI

KINH: Ý không quái ngại.

LUẬN: Thế nào là ý không quái ngại? Bồ-tát đối tất cả người oán, thân, phi oán phi thân, tâm bình đẳng không ngăn ngại.

Lại nữa, hết thấy chúng sanh trong thế giới nếu đến xâm hại, tâm không oán hận, hoặc cung kính đủ thứ, cũng không vui mừng, như kệ nói:

*Chư Phật Bồ-tát,
Tâm không ái trước,
Ngoại đạo, ác nhân,
Tâm không ghét, giận.*

Tâm thanh tịnh như vậy, gọi là ý không quái ngại. Lại nữa, tâm đối với các pháp vô ngại.

Hỏi: Bồ-tát ấy chưa được Phật đạo, chưa được Nhất thiết trí, sao đối với các pháp tâm vô ngại?

Đáp: Vì Bồ-tát được vô lượng trí tuệ thanh tịnh nên đối với các pháp, tâm vô ngại.

Hỏi: Chư Bồ-tát vì chưa được Phật đạo không thể có vô lượng trí; vì còn kiết sử dư tàn không thể có thanh tịnh trí?

Đáp: Các Bồ-tát ấy không phải là nhục thân kiết nghiệp trong tam giới, mà đều là được pháp thân tự tại, qua khỏi già, bệnh, chết; vì thương chúng sanh nên Bồ-tát đi trong tam giới; vì trang nghiêm Phật độ, giáo hoá chúng sanh, đã được tự tại, muốn thành Phật thì được thành.

Hỏi: Như pháp thân Bồ-tát thì cùng với Phật không khác, thế sao còn gọi là Bồ-tát, sao còn lễ Phật nghe Pháp? Nếu cùng với Phật có khác, sao lại có vô lượng thanh tịnh trí?

Đáp: Tuy pháp thân Bồ-tát ấy không già, bệnh, chết; nhưng hơi khác với Phật. Cũng như trăng mười bốn, mọi người sanh nghi cho hoặc tròn hoặc không tròn. Bồ-tát cũng như vậy, tuy có thể thành Phật, có thể thuyết pháp, nhưng chưa thật thành Phật; Phật như trăng rằm tròn đầy, chắc chắn không nghi.

Lại nữa, vô lượng thanh tịnh có hai: Một là thật có lượng nhưng đối với người vì không thể lường được, mà gọi là vô lượng; cũng như nước biển, như cát sông Hằng v.v... vì người không thể lường được, mà gọi là vô lượng, chứ đối với chư Phật Bồ-tát thì chẳng phải vô lượng. Vô lượng thanh tịnh trí của Bồ-tát cũng như vậy, đối với hàng trời, người, Thanh-văn và Bích-chi Phật, vì họ không thể lường được, mà gọi là vô lượng trí. Lúc Bồ-tát được Vô sanh trí, đoạn hết các kiết sử, được trí thanh tịnh.

Hỏi: Nếu bấy giờ đã đoạn hết các kiết sử, thì khi thành Phật còn đoạn gì?

Đáp: Thanh tịnh ấy có hai: Một là lúc thành Phật, các kiết sử sạch hết, được thanh tịnh thật. Hai là lúc Bồ-tát xả nhục thân pháp thân, đoạn các kiết sử được thanh tịnh. Cũng như một ngọn đèn có thể trừ được bóng tối, làm được các việc, lại có ngọn đèn lớn hơn, càng sáng tỏ gấp bội. Phật và Bồ-tát đoạn các kiết sử cũng như vậy. Kiết sử được đoạn của Bồ-tát tuy được gọi là đã đoạn, nhưng so với kiết sử được đoạn của Phật, còn chưa sạch hết.

Ấy gọi là do được vô lượng thanh tịnh trí nên đối với các pháp ý không có trở ngại.

KINH: Thành tựu đại nhẫn.

LUẬN: Hỏi: Trước đã nói đẳng nhẫn, pháp nhẫn, nay sao lại nói thành tựu đại nhẫn?

Đáp: Hai nhẫn ấy tăng trưởng gọi là đại nhẫn .

Lại nữa, đẳng nhẫn ở giữa chúng sanh hết thấy đều nhẫn được, còn nhu thuận pháp nhẫn, là đối với pháp thâm diệu nhẫn được. Hai nhẫn này tăng trưởng, tác chứng được vô sanh nhẫn. Nhục thân tối hậu thấy được khắp mười phương chư Phật đang hóa hiện ở trước mắt, hoặc đang ngồi giữa hư không, ấy gọi là thành tựu đại nhẫn. Cũng như trong pháp Thanh-văn, Noãn pháp tăng trưởng gọi là Đảnh pháp; Đảnh pháp tăng trưởng gọi là Nhẫn pháp, mà không phải còn có pháp khác tăng trưởng làm khác đi. Đẳng nhẫn, Đại nhẫn cũng như vậy.

Lại nữa, có hai thứ nhẫn là: Sanh nhẫn, Pháp nhẫn. Sanh nhẫn là nhẫn đối với chúng sanh, như hàng hà sa khắp chúng sanh đem đủ thứ ác gia hại mà tâm không sân hận; dù cung kính cúng dường đủ thứ mà tâm

cũng không hoan hỷ.

Lại nữa, quán chúng sanh không có ban đầu. Nếu có ban đầu thì không có nhân duyên, nếu có nhân duyên thì không có ban đầu. Nếu không ban đầu thì cũng nên không có sau rốt. Vì sao? Vì ban đầu và rốt sau đối đãi. Nếu không ban đầu, không rốt sau thì cũng không chặng giữa. Lúc quán như vậy, không rơi vào nhị biên đoạn thường. Dùng đạo an ổn quán chúng sanh, không sanh tà kiến, ấy gọi là Sanh nhãn. Trong pháp thậm thâm, tâm không ngăn ngại, ấy gọi là Pháp nhãn.

Hỏi: Thế nào là Pháp thậm thâm?

Đáp: Như trước đã nói trong mục thậm thâm Pháp nhãn.

Lại nữa, Pháp thậm thâm là trong Mười hai nhân duyên triển chuyển sanh quả, trong nhân không phải có quả, cũng không phải không quả. Từ trong ấy mà ra gọi là Pháp thậm thâm.

Lại nữa, vào ba môn giải thoát Không, Vô tướng, Vô tác, thì được Niết-bàn thường lạc, nên gọi là Pháp thậm thâm.

Lại nữa, quán hết thấy pháp phi không bất không, phi hữu tướng, phi vô tướng, phi hữu tác, phi vô tác. Trong khi quán như vậy, tâm cũng không dính, ấy gọi là pháp thậm thâm, như kệ nói:

*Pháp nhân duyên sanh,
Gọi là Không tướng,
Cũng gọi giả danh,
Cũng gọi Trung đạo.
Nếu pháp thật có,
Không thể lại không.
Trước có nay không,
Ấy gọi là đoạn.
Chẳng thường, chẳng đoạn,
Cũng chẳng có không,
Tâm thức đều diệt,
Ngôn ngữ cũng dứt.*

Đối với pháp sâu xa ấy, tín tâm vô ngại, không hối không mất, ấy gọi là thành tựu Đại nhãn.

KINH: Như thật khéo độ.

LUẬN: Có pháp ngoại đạo, tuy độ chúng sanh nhưng không phải là như thật độ. Vì sao? Vì còn các thứ tà kiến kiết sử. Nhị thừa tuy có chỗ độ, nhưng không đúng như chỗ nên độ. Vì sao? Vì không có Nhất thiết trí, tâm phương tiện mông, chỉ có Bồ-tát mới như thật khéo độ. Cũng như người khéo đưa qua sông: Với người này thì dùng phao nổi, bè cỏ đưa

qua; với người kia thì dùng thuyền vuông đưa qua. Cả hai cách cùng đưa qua mà khác biệt. Bồ-tát khéo độ chúng sanh cũng như vậy.

Lại nữa, thí như trị bệnh, thuốc đắng, chích đốt mà bệnh được lành; còn như có thứ thuốc thần diệu tên là Tô-đà-phiến-đà, mắt người bệnh trông thấy thì các bệnh tật đều lành. Hai cách đều trị bệnh đồng nhau, mà phương pháp hơn kém khác nhau. Thanh-văn và Bồ-tát giáo hóa độ người cũng như vậy, khổ hạnh đầu đà, đầu đê, giữa đê, cuối đê, tâm siêng tọa thiền, quán khổ mà đắc đạo, đó là lối giáo hóa của Thanh-văn; còn các pháp tướng không trói không mở, tâm được thanh tịnh, đó là lối giáo hóa của Bồ-tát.

Như trong Văn-thù-sư-lợi Bản duyên (Manjúsryavadana), Văn-thù-sư-lợi bạch Phật: “Bạch Đại đức Thế Tôn! Xưa con trong đời trước đã trải qua vô lượng A-tăng-kỳ kiếp, bấy giờ có Phật hiệu là Sư Tử Âm Vương, Phật và chúng sanh sống lâu mười vạn ức na-do-tha tuổi, Phật đem Tam thừa giáo mà độ chúng sanh. Nước tên là Thiên Quang Minh, các cây trong nước ấy đều do bảy báu tạo thành. Cây phát ra vô lượng pháp âm thanh tịnh, là pháp âm Không, Vô tướng, Vô tác, bất sanh, bất diệt, vô sở hữu. Chúng sanh nghe được, thì tâm bừng sáng, đắc đạo. Bấy giờ, đức Phật Sư Tử Âm Vương trong hội thuyết pháp đầu, có chín mươi chín ức người đắc A-la-hán đạo, chúng Bồ-tát cũng như vậy. Các Bồ-tát ấy, tất cả đều được Vô sanh pháp nhẫn, vào chủng chủng pháp môn, thấy vô lượng chư Phật, cung kính cúng dường và độ vô lượng vô số chúng sanh, được vô lượng Đà-la-ni môn, vô lượng chủng chủng tam muội. Còn hàng Bồ-tát sơ phát tâm mới vào đạo số không kể xiết. Quốc độ của đức Phật ấy trang nghiêm vô lượng, không thể nói hết. Lúc Phật giáo hóa đã xong, thì vào Vô-dư Niết-bàn. Chánh pháp trụ sáu vạn năm. pháp âm của các cây cũng không còn phát ra nữa. Bấy giờ có hai Tỷ-kheo Bồ-tát, một vị tên là Hỷ-Căn (Prasannendriya), và một vị tên là Thắng-Ý (Agramati)”.

Pháp sư Hỷ-Căn ấy, dung nghi chất trực, không bỏ thế pháp, cũng không phân biệt thiện ác. Đệ tử của Hỷ-Căn thông minh ưa pháp, ưa nghe thâm nghĩa. Pháp sư ấy không khen ngợi thiếu dục tri túc, không khen ngợi giới hạnh đầu đà, chỉ thuyết thật tướng thanh tịnh của các pháp. Ngài bảo các đệ tử: “Hết thấy các pháp, tướng dâm dục, tướng sân nhuế, tướng ngu si, các pháp tướng ấy tức là thật tướng các pháp, không bị ngăn ngại”. Dùng phương tiện ấy, dạy các đệ tử nhập vào “Nhất thiết trí”.

Lúc ấy các đệ tử, đối với mọi người không sân không hối, tâm

không hối tiếc nên được sanh nhĩn, được sanh nhĩn nên được pháp nhĩn. Ở trong thật pháp, tâm như núi Tu-di không lay động.

Pháp sư Thắng-Ý, giữ giới thanh tịnh, thực hành mười hai hạnh đầu đà, được bốn Thiên và bốn Vô sắc định. Các đệ tử của Thắng-Ý, căn ám độn, nhiều tham cầu, vì phân biệt tịnh và bất tịnh, tâm luôn động chuyển.

Một hôm nọ, Thắng-Ý đi vào làng, đến nhà đệ tử của Hỷ-Căn, ngồi vào chỗ ngồi, khen ngợi sự trì giới, thiếu dục, tri túc, thực hành hạnh đầu đà, Thiên định ở chỗ vắng, rồi chê bai Hỷ-Căn rằng: “Người ấy thuyết pháp dạy người đi vào tà kiến, nói rằng dâm dục, sân nhuế, ngu si là tướng không ngăn ngại, ấy là người tu hành hỗn tạp, chẳng phải thuần thanh tịnh”. Đệ tử của Hỷ-căn là người lợi căn đắc Pháp nhĩn, hỏi lại Thắng-Ý rằng:

“Thưa Đại đức! Pháp dâm dục ấy là tướng gì?”

- “Dâm dục là tướng phiền não.”

- “Dâm dục phiền não ở trong hay ở ngoài?”

- “Dâm dục phiền não không ở trong không ở ngoài; vì nếu ở trong thì không cần đợi nhân duyên bên ngoài mới sinh, nếu ở ngoài thì đối với ta vô sự, không làm não ta được”.

Cư sĩ nói: “Nếu dâm dục phiền não chẳng phải ở trong chẳng phải ở ngoài; chẳng phải từ Đông, Tây, Nam, Bắc, bốn hướng, trên, dưới đến; tìm khắp không thấy thật tướng của nó, pháp ấy tức bất sanh bất diệt, nếu không sanh không diệt, không có gì, thì làm sao gây ra phiền não được?”

Thắng-Ý nghe lời ấy tâm không vui, không đáp lại được, từ chỗ ngồi đứng dậy, nói như vậy: “Hỷ-Căn phần nhiều đối gạt mọi người đắm trong đường tà”.

Bồ-tát Thắng-Ý ấy chưa học âm thanh Đà-la-ni, nghe Phật thuyết thì hoan hỷ, nghe ngoại đạo thuyết thì sân hận, nghe ba bất thiện căn thì không vui vẻ, nghe ba thiện căn thì rất hoan hỷ, nghe nói sanh tử thì lo, nghe nói Niết-bàn thì mừng. Rồi từ nhà cư sĩ, Thắng-Ý đi đến rừng cây, vào trong tinh xá, nói với các Tỳ-kheo: “Nên biết Bồ-tát Hỷ-Căn hư dối, phần nhiều khiến người ta vào trong tà ác. Vì sao? Vì vị kia nói tướng dâm, nộ, si và hết thảy các pháp đều là tướng vô ngại”.

Khi ấy, Hỷ-Căn suy nghĩ: “Người này quá sân, vì ác nghiệp che lấp, sẽ đọa tội lớn. Ta nay sẽ vì ông ấy nói pháp sâu xa, dẫu đời nay không được gì, cũng làm nhân duyên cho Phật đạo ở đời sau”.

Khi ấy, Hỷ-căn họp Tăng, nhất tâm nói kệ:

*Dâm dục tức là đạo,
Sân si cũng như vậy,
Trong ba sự như thế,
Vô lượng chư Phật đạo.
Nếu có người phân biệt,
Dâm, nộ, si và đạo,
Người ấy cách xa Phật,
Thí như Trời với đất.
Đạo và dâm, nộ, si.
Là một pháp bình đẳng,
Nếu ai nghe sợ hãi,
Cách Phật đạo rất xa.
Dâm pháp bất sinh diệt,
Không thể khiến tâm nã,
Nếu ai chấp tự ngã,
Dâm đưa vào ác đạo.
Thấy pháp có khác không,
Là chẳng lìa có, không.
Nếu rõ có là không,*

Siêu thắng thành Phật đạo.

Lúc nói hơn bảy mươi bài kệ như vậy, ba vạn Thiên tử được Vô sanh Pháp nhẫn, một vạn tám ngàn Thanh-văn, không ái trước hết thấy các pháp đều được giải thoát.

Khi ấy, Bồ-tát Thắng-Ý, thân liền rơi vào địa ngục, thọ khổ vô lượng ngàn vạn ức năm, khi được ra khỏi địa ngục sanh trong loài người, bị bài báng bảy mươi bốn vạn năm, trải qua trong vô lượng kiếp không nghe được tiếng Phật. Và khi tội ấy mỏng dần, vị ấy, dẫu có nghe được Phật pháp, xuất gia học đạo vẫn trở lại xả giới, thường xả giới như vậy sáu vạn hai ngàn đời, được làm Sa-môn trong vô lượng đời, tuy không xả giới nhưng các căn ám độn.

Bồ-tát Hỷ-Căn hiện làm Phật ở hơn mười vạn ức Phật độ về phía Đông, Quốc độ kia hiệu là Bảo Nghiêm, Phật hiệu là Quang Du Phật Minh Vương. Tỳ-kheo Thắng-Ý lúc ấy là thân con hôm nay. Con quán sát bấy giờ phải thọ vô lượng khổ ấy”. Văn-thù-sư-lợi lại bạch Phật: “Nếu có người cầu Tam thừa đạo, không muốn thọ các khổ, thì không nên phá các pháp tướng mà ôm lòng sân hận”. Phật hỏi Văn-thù: “Ông nghe các bài kệ được lợi ích gì?” Đáp: “Con nghe các bài kệ, được dứt hết các khổ, đời đời được lợi căn trí tuệ, hiểu pháp sâu xa, khéo thuyết

nghĩa sâu xa, là bậc nhất ở giữa chư Bồ-tát”.

Như vậy, gọi là khéo thuyết các pháp tướng, ấy gọi là như thật khéo nói.

